

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



**KỶ YẾU TÓM TẮT
HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT NĂM 2019**

Đà Lạt, tháng 12 năm 2019

DLUDALAT
UNIVERSITY

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**

**KỶ YẾU TÓM TẮT
HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT NĂM 2019**

BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT NĂM 2019

Trưởng ban:

TS. Lê Minh Chiến

Hiệu trưởng

Phó trưởng ban:

TS. Lê Hồng Phong

Phó Hiệu trưởng

PGS.TS. Nguyễn Văn Kết

Phó Hiệu trưởng

Ủy viên:

TS. Trịnh Thị Tú Anh

Trưởng Phòng QLKH-HTQT

TS. Lê Vũ Đình Phi

P. Trưởng Phòng QLKH-HTQT

TS. Phạm Thị Hoa Hạnh

Trưởng Phòng Tài chính

PGS.TS. Nguyễn Tất Thắng

Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN BIÊN TẬP KỶ YẾU TÓM
TẮT HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT NĂM 2019**

Trưởng ban:

TS. Lê Minh Chiến

Hiệu trưởng

Phó trưởng ban:

TS. Lê Hồng Phong

Phó Hiệu trưởng

PGS.TS. Nguyễn Văn Kết

Phó Hiệu trưởng

Ủy viên:

TS. Trịnh Thị Tú Anh

Trưởng Phòng QLKH-HTQT

TS. Nguyễn Văn Tuấn

Trưởng Phòng Tạp chí và Truyền thông

ThS. Thái Duy Quý

Phòng Tạp chí và Truyền thông

ThS. Nguyễn Khánh Trang

Phòng QLKH-HTQT

**DANH SÁCH CÁC TIỂU BAN CHUYÊN MÔN
HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
NĂM 2019**

TIỂU BAN 1: KHOA HỌC TỰ NHIÊN – KỸ THUẬT

PGS.TS. Phù Chí Hòa, Trưởng Khoa Sư phạm	Trưởng ban
PGS.TS. Nguyễn Đăng Chiển, P. Trưởng Khoa Vật lý & Kỹ thuật Hạt nhân	Ủy viên
ThS. Tạ Thị Thu Phượng, Khoa Toán – Tin học	Ủy viên TK

TIỂU BAN 2: HÓA HỌC – SINH HỌC – NÔNG LÂM – MÔI TRƯỜNG

Phiên 1:

PGS.TS. Nguyễn Văn Hạ, Khoa Hóa học & Môi trường	Trưởng ban
TS. Phạm Hữu Thanh Việt, P. Trưởng Phòng QLĐT SDH	Ủy viên
TS. Trần Thị Tình, Khoa Hóa học – Môi trường	Ủy viên TK

Phiên 2:

TS. Trần Văn Tiến, Trưởng Khoa Sinh học	Trưởng ban
TS. Trương Bình Nguyên, Viện trưởng Viện NCUDNNCNC	Ủy viên
ThS. Cao Thị Làn, P. Trưởng Khoa Nông Lâm	Ủy viên TK

TIỂU BAN 3: KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Phiên 1:

TS. Lê Hồng Phong, Phó Hiệu trưởng	Trưởng ban
TS. Nguyễn Thị Hồng Phương, Trưởng Khoa Lý luận Chính trị	Ủy viên
ThS. Trần Thị Bảo Giang, P. Trưởng Khoa Ngữ văn & Lịch sử	Ủy viên TK

Phiên 2:

PGS.TS. Cao Thế Trình, Chủ tịch Hội đồng Trường	Trưởng ban
TS. Võ Tấn Tú, Khoa Ngữ văn & Lịch sử	Ủy viên
TS. Lê Thị Nhuận, Khoa Quốc tế học	Ủy viên TK

TIỂU BAN 4: LUẬT – KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH – CÔNG TÁC XÃ HỘI

Phiên 1:

PGS.TS. Bùi Văn Hùng, Phó trưởng Phòng QLĐT	Trưởng ban
TS. Nguyễn Văn Nghiệp, P. Trưởng Khoa Luật học	Ủy viên
ThS. Nguyễn Văn Hùng, Khoa Luật học	Ủy viên TK

Phiên 2:

TS. Trương Thị Ngọc Thuyên, Trưởng Khoa KT & QTKD	Trưởng ban
ThS. Nguyễn Hữu Tân, Khoa Sư phạm	Ủy viên
TS. Vũ Thị Thùy Dung, Trưởng Khoa XHH-CTXH	Ủy viên TK

**DANH MỤC CÁC TÓM TẮT HỘI NGHỊ KHOA HỌC THƯỜNG NIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT NĂM 2019**

STT	Tên bài	Tên tác giả	Đơn vị	Trang
I. Tiểu ban: Khoa học Tự nhiên - Kỹ thuật				
1.	KHẢO SÁT HÀNH VI RẼ TRÁI CỦA NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY Ở THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT	Phạm Hải Đăng Võ Huy Cường Trần Minh Chiến Phạm Minh Công Không Quốc Cường Trương Khắc Đước	Khoa Vật lý và KTHN	1
2.	NGHIÊN CỨU TƯƠNG QUAN HÀM LƯỢNG NGUYÊN TỐ TRONG MẪU KHẢO CỔ ĐẤT NUNG VÀ MẪU SÉT NGUYÊN LIỆU TỪ KHU DI TÍCH CÁT TIỀN - LÂM ĐỒNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH KÍCH HOẠT NEUTRON DỤNG CỤ VÀ THỐNG KÊ ĐA BIẾN	Lê Trần Minh Nhật Trịnh Thị Tú Anh Phạm Ngọc Sơn Trần Tuấn Anh Cao Đông Vũ	Học viên cao học	2
3.	MỘT ĐẶC TRƯNG CHO BẠC CỦA ĐA TẬP FANO	Đặng Tuấn Hiệp Đỗ Nguyên Sơn Võ Tiến Nguyễn Thị Mai Vân	Khoa Toán - Tin học	3
4.	KHAI THÁC NHANH CÁC CHUỖI PHỔ BIẾN CÓ LỢI ÍCH CAO VỚI RÀNG BUỘC TỪ CÁC BIỂU DIỄN SỨC TÍCH CỦA CHÚNG	Trương Chí Tín Dương Văn Hải Trần Ngọc Anh Lê Hoài Bắc	Khoa Toán - tin học	4
5.	THUẬT TOÁN HIỆU QUẢ KHAI THÁC CÁC CHUỖI PHỔ BIẾN CÓ LỢI ÍCH TRUNG BÌNH CAO	Trương Chí Tín Dương Văn Hải Trần Ngọc Anh Lê Hoài Bắc	Khoa Toán - tin học	5
6.	MỘT TIẾP CẬN THEO CHIỀU SÂU KHAI THÁC ĐỒNG THỜI CÁC TẬP PHỔ BIẾN ĐỒNG CÙNG CÁC TẬP SINH CỦA CHÚNG	Võ Tiến Trần Ngọc Anh Trương Chí Tín	Khoa Toán - tin học	6
7.	ỨNG DỤNG MÔ HÌNH THÔNG TIN CÔNG TRÌNH (BIM) VÀO CÔNG TÁC BẢO TRÌ, DUY TU NHÀ THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT	Chu Văn Tựa Nguyễn Hoàng Nguyễn	Phòng CSVC	7

STT	Tên bài	Tên tác giả	Đơn vị	Trang
II. Tiểu ban: Hóa học – Sinh học - Nông lâm - Môi trường (Phiên 1)				
1.	XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC HÓA HỌC CỦA CÁC SAPONIN PHÂN LẬP TỪ LÁ CÂY BÙI BA HOA (<i>ILEX TRIFLORA</i>)	Trần Thị Nga Trịnh Thị Điệp	Khoa Hóa học và Môi trường	8
2.	NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH HÀM LƯỢNG ASEN, CADIMI VÀ CHÌ TRONG MỘT SỐ BÀI THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN	Vũ Thị Bảo Ngọc Lê Thị Thanh Trân	Khoa Hóa học và Môi trường	9
3.	EQUILIBRIUM ISOTHERM AND KINETIC MODELS FOR ADSORPTION OF As(V) FROM AQUEOUS SOLUTION ON MIXED Mn:Fe OXIDE NANOPARTICLES	Le Ngoc Chung Huynh Van Tuan Le Thanh Quoc	Khoa Hóa học và Môi trường	10
4.	COMPARING THE ADSORPTION BEHAVIORS OF As(V) FROM AQUEOUS SOLUTIONS ONTO MIXED MANGANESE-IRON OXIDE NANOPARTICLES	Le Ngoc Chung Huynh Van Tuan Le Thanh Quoc	Khoa Hóa học và Môi trường	11
5.	NGHIÊN CỨU QUÁ TRÌNH HẤP PHỤ Cs ⁺ BỞI VẬT LIỆU NANO Zn ₂ [Fe(CN) ₆] và Zn ₃ [Fe(CN) ₆] ₂	Trương Đông Phương Lê Thị Hà Lan Đường Thị Hương Giang Nguyễn Đình Trung	Viện NC và KĐ	12
6.	NGHIÊN CỨU QUÁ TRÌNH HẤP PHỤ Cs ⁺ BỞI VẬT LIỆU NANO Co ₂ [Fe(CN) ₆]/Fe ₃ O ₄	Nguyễn Đức Thuận Lê Thị Hà Lan Nguyễn Thị Mỹ Ngọc Nguyễn Đình Trung	Viện NC và KĐ	13
II. Tiểu ban: Hóa học – Sinh học - Nông lâm - Môi trường (Phiên 2)				
7.	ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG KHÁNG NẤM CỦA NANO ĐỒNG – TỔNG HỢP BẰNG PHƯƠNG PHÁP SINH HỌC – ỨNG DỤNG BẢO VỆ GỖ THÔNG BA LÁ (<i>Pinus kesiya</i>)	Trần Thị Bảo Trâm Lê Thị Anh Tú	Khoa Sinh học	14
8.	TỐI ƯU HÓA QUÁ TRÌNH CHIẾT INULIN, FRUCTAN, CHẤT RẮN HÒA TAN TRONG RỄ ĐẰNG SÂM (<i>CODONOPSIS JAVANNICA</i>) CÓ SỰ HỖ TRỢ CỦA SÓNG SIÊU ÂM BẰNG PHƯƠNG PHÁP MẶT ĐÁP ỨNG (RSM) VỚI THIẾT KẾ BOX BEHNKEN (BBD)	Nguyễn Thị Thăng Long Nguyễn Trí Minh Lê Như Bích	Khoa Nông lâm	15
9.	BIẾN ĐỔI HÀM LƯỢNG INULIN, POLYPHENOL, FLAVONOIDS, ĐƯỜNG TỔNG SỐ, KHOÁNG VÀ HOẠT TÍNH CHỐNG OXY HÓA CỦA RỄ CỤ ĐẰNG SÂM (<i>CODONOPSIS JANICA</i>) THEO THỜI GIAN SINH TRƯỞNG	Nguyễn Thị Thăng Long Nguyễn Trí Minh	Khoa Nông lâm	16
10.	HIỆU QUẢ CỦA QUY TRÌNH SỬ DỤNG TÍCH HỢP CÁC CHẾ PHẨM SINH, HÓA HỌC TRÊN CÂY CÀ PHÊ GIAI ĐOẠN KINH DOANH TẠI TÂY NGUYÊN	Trần Thị Minh Loan Phạm Thu Hằng Hà Việt Sơn	Khoa Nông lâm	17
11.	ĐÁNH GIÁ DẤU CHÂN NƯỚC XÁM TRÊN CÂY HOA CÚC CANH TÁC TẠI KHU VỰC THƯỢNG NGUỒN HỒ XUÂN HƯƠNG, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT	Nguyễn Thị Thanh Thuận Hồ Thị Hằng Chế Đình Lý	Khoa Hóa học và Môi trường	18

STT	Tên bài	Tên tác giả	Đơn vị	Trang
III. Tiểu ban: Khoa học Xã hội và Nhân văn (Phiên 1)				
1.	TRAO ĐỔI THÊM VỀ THỜI ĐIỂM RA ĐỜI CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM PHỦ	Cao Thế Trình	Khoa QTH	19
2.	ĐẶC TRƯNG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở LÂM ĐỒNG	Bùi Thị Thoa	Khoa QTH	20
3.	NHÂN VẬT THẦN LINH TRONG SỬ THI XƠ ĐẰNG	Lê Ngọc Bính	Khoa NV-LS	21
4.	ĐẶC ĐIỂM VỀ HÌNH TƯỢNG VĂN HỌC GIAI ĐOẠN THẾ KỶ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XV	Nguyễn Cảnh Chương	Khoa NV-LS	22
5.	LỜI VĂN NGHỆ THUẬT TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI	Đỗ Thị Phương Lan	Khoa Sur phạm	23
6.	THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ TẠI TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH LÂM ĐỒNG	Phan Kiều Thuận	Khoa Sur phạm	24
III. Tiểu ban Khoa học Xã hội và Nhân văn (Phiên 2)				
7.	DẤU ẤN SÔNG NƯỚC THỂ HIỆN TRONG LỄ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐÔNG NAM Á	Trần Thị Hiền	Khoa NV-LS	25
8.	CHÍNH SÁCH CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN	Nguyễn Văn Bắc	Khoa NV-LS	26
9.	BIẾN ĐỔI TRONG HÔN NHÂN CỦA NHÓM CƠ HO LẠCH Ở LÂM ĐỒNG	Nguyễn Thị Hồng	Khoa NV-LS	27
10.	ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH DI DÂN TỰ DO CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ PHÍA BẮC ĐẾN NỀN KINH TẾ LÂM ĐỒNG TỪ NĂM 1976	Nguyễn Thị Hà Giang	Khoa NV-LS	28
11.	QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH TỪ ĐÈO NGANG ĐẾN MIỀN TÂY NAM BỘ (THẾ KỶ XI - XVII)	Bùi Văn Hùng	Phòng QLĐT	29

STT	Tên bài	Tên tác giả	Đơn vị	Trang
IV. Tiểu ban: Luật – Kinh tế & QTKD – Công tác Xã hội (Phiên 1)				
1.	CẤM CỠ BẤT ĐỘNG SẢN THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY	Lê Thị Bích Chi Nguyễn Xuân Bang	Khoa Luật học	30
2.	PHÁP LUẬT VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO THOẢ THUẬN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT	Nguyễn Thị Thu Hoài	Khoa Luật học	31
3.	XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM TIỀN VAY TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT	Lê Thị Thu Hiền	Khoa Luật học	32
4.	NGHĨA VỤ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO XUYÊN BIÊN GIỚI TẠI VIỆT NAM	Võ Thị Thanh Linh	Khoa Luật học	33
5.	QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG QUA THỰC TIỄN VỤ VIỆC BÀI TƯ CHÍNH	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	Khoa Luật học	34
6.	VẤN ĐỀ GIỚI TÍNH TRONG VIỆC ÁP DỤNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TẠI VIỆT NAM	Nguyễn Thị Loan	Khoa Luật học	35
IV. Tiểu ban: Luật – Kinh tế - QTKD – Công tác Xã hội (Phiên 2)				
7.	ỨNG DỤNG MÔ HÌNH CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG CỦA MỸ (ACSI) VÀO LĨNH VỰC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TẠI VIỆT NAM	Nguyễn Văn Anh Nguyễn Thị Phương Thảo Nguyễn Hà Thu	Khoa Kinh tế - QTKD	36
8.	TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ ĐẾN VIỆC THAY ĐỔI Ý THỨC CỘNG ĐỒNG TẠI XÃ BÌNH THẠNH, HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG	Đỗ Văn Toàn	Khoa XHH-CTXH	37
9.	VAI TRÒ CỦA HỖ TRỢ XÃ HỘI ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH PHỤC HỒI CỦA NGƯỜI BỆNH: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	Nguyễn Thị Minh Hiền	Khoa XHH-CTXH	38
10.	NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHỤC HỒI SỨC KHỎE TÂM THẦN	Vũ Mộng Đóa	Khoa XHH-CTXH	39
11.	CHINA'S RISE: FACT OR FICTION?	Ngũ Chánh Hào	Khoa QTH	40

KHẢO SÁT HÀNH VI RẼ TRÁI CỦA NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN XE MÁY Ở THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Phạm Hải Đăng^{a*}, Võ Huy Cường^a, Trần Minh Chiến^a, Phạm Minh Công^a,
Khổng Quốc Cường^a, Trương Khắc Được^a

^aLớp VTK43, Khoa Vật Lý, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: 1911232@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0392581445

Tóm tắt

An toàn giao thông là vấn đề nhức nhối của Việt Nam hiện nay. Giảm thiểu tai nạn giao thông là bài toán khó của các cơ quan chức năng cũng như người dân. Tìm hiểu sâu vào nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông, nhóm chúng tôi xác định được một trong số các nguyên nhân gây tai nạn nhiều nhất là việc chuyển hướng xe, hay cụ thể là việc rẽ trái của người điều khiển xe máy tại ngã ba, ngã tư không có đèn tín hiệu. Nhằm mục đích tìm hiểu yếu tố nào quyết định đến việc vi phạm giao thông của người điều khiển xe máy khi rẽ trái, chúng tôi đã nghiên cứu hành vi rẽ trái của người điều khiển xe máy tại thành phố Đà Lạt. Bằng phương pháp quan sát, thống kê và phân tích, chúng tôi đã thống kê số liệu vi phạm theo các yếu tố giới tính, độ tuổi, loại xe, đặc điểm đường phố tại ngã ba, ngã tư trong phạm vi thành phố Đà Lạt. Đồng thời thống kê số liệu vi phạm theo từng lỗi khi rẽ trái: lỗi không đèn tín hiệu, lỗi vi phạm vạch phân cách, lỗi ngược chiều, lỗi cản trở giao thông. Kết quả tỉ lệ vi phạm rẽ trái với các yếu tố giới tính, độ tuổi, loại xe đều nằm ở mức hơn 80%. Riêng ở đặc điểm đường phố, đường có dải phân cách có tỉ lệ vi phạm thấp 11%. Với từng lỗi vi phạm có tỉ lệ như sau: lỗi đèn tín hiệu chiếm khoảng 36%; lỗi vi phạm vạch phân cách chiếm khoảng 57%; lỗi ngược chiều chiếm khoảng 32%; lỗi cản trở giao thông chiếm khoảng 45%. Từ những kết quả trên, chúng tôi nhận thấy việc vi phạm khi rẽ trái của người điều khiển xe máy không phụ thuộc vào các yếu tố giới tính, độ tuổi, loại xe. Cũng như có sự ảnh hưởng trực tiếp của đặc điểm đường giao thông. Chính điều đó cho thấy ý thức của người tham gia giao thông còn ở mức thấp, ảnh hưởng lớn đến việc vi phạm giao thông. Dựa vào các số liệu thống kê và các phân tích kết quả, chúng tôi đưa ra một số giải pháp nhằm hạn chế tối đa lỗi vi phạm khi rẽ trái, nhằm giảm số vụ tai nạn giao thông của Đà Lạt nói riêng, cả nước nói chung.

Từ khóa: Hành vi người điều khiển xe máy; Rẽ trái; Vi phạm giao thông.

ĐÁNH GIÁ SỰ TƯƠNG QUAN HÀM LƯỢNG NGUYÊN TỐ TRONG MẪU KHẢO CỔ ĐẤT NUNG VÀ MẪU SÉT NGUYÊN LIỆU TỪ CỔ KHU DI TÍCH CÁT TIÊN

Lê Trần Minh Nhật^{a,*}, Trịnh Thị Tú Anh^a, Phạm Ngọc Sơn^b, Trần Tuấn Anh^b, Cao Đông Vũ^b

^aKhoa Vật Lý - Kỹ thuật Hạt nhân, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

²Viện Nghiên cứu hạt nhân, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: letranminhnhat9999@gmail.com

Tóm tắt

Ở nước ta hiện nay đang tồn tại khá nhiều các công trình kiến trúc cổ, phế tích khảo cổ học cần được nghiên cứu, bảo dưỡng, trùng tu và tôn tạo. Trong số đó có khu di tích Cát Tiên – Lâm Đồng hay còn được gọi là “Thánh địa Cát Tiên” với một quần thể phế tích rộng lớn được phát hiện năm 1985. Những khám phá về lịch sử và vấn đề chủ nhân của di tích này đến nay vẫn là một bí ẩn chưa được giải mã, đang rất cần sự quan tâm nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc các chuyên ngành khác nhau. Việc áp dụng các phương pháp phân tích thành phần hóa học trong vật liệu khảo cổ đất nung (đất sét nguyên liệu, gạch, gốm sứ, đồ tạo tác đất nung, ...) để hỗ trợ cho nghiên cứu nguồn gốc đã phát triển nhanh chóng trong vài thập kỷ qua. Có nhiều kỹ thuật phân tích đã được sử dụng để xác định đặc trưng thành phần đa nguyên tố các vật liệu khảo cổ, trong đó, phương pháp có thời gian sử dụng dài nhất và được đánh giá là thành công nhất trong lịch sử ứng dụng nghiên cứu nguồn gốc chính là phương pháp phân tích kích hoạt neutron - NAA. Bên cạnh đó, các phương pháp phân tích thống kê đa biến đã được áp dụng rộng rãi trong nhiều ngành khoa học kỹ thuật khác nhau như: Môi trường, địa chất, khảo cổ, y học, sinh học, hoá học, vật lý, luật, thương mại, v.v... Trong nghiên cứu này, kết quả phân tích 32 nguyên tố trong 155 mẫu gốm và sét thu thập tại Cát Tiên - Lâm Đồng bằng phương pháp NAA được trình bày. Đồng thời, chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích thống kê đa biến để xác định nguồn gốc nguyên liệu đã được sử dụng để chế tạo các mẫu vật khảo cổ thu được.

Từ khóa: Phương pháp NAA; Phương pháp thống kê đa biến; Xác định nguồn gốc; Mẫu khảo cổ.

MỘT ĐẶC TRƯNG CHO BẬC CỦA ĐA TẬP FANO

Đặng Tuấn Hiệp^a, Đỗ Nguyên Sơn^a, Võ Tiến^a, Nguyễn Thị Mai Vân^b

^aKhoa Toán - Tin học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^bKhoa Cơ bản, Trường Sĩ quan Không quân, Khánh Hòa, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: hiepdtdlu.edu.vn | Điện thoại: 0945341459

Tóm tắt

Sử dụng một kết quả gần đây về đặc trưng số giao trên đa tạp Grassmann, chúng tôi đưa ra một đặc trưng mới cho bậc của đa tạp Fano dưới dạng hệ số đặc biệt trong một đa thức đối xứng. Hơn nữa, chúng tôi cũng thực hiện một số tính toán dựa trên đặc trưng mới này trên hệ thống đại số máy tính SageMath.

Từ khóa: Đa tạp Fano; Grassmannian; Bậc.

KHAI THÁC NHANH CÁC CHUỖI PHỔ BIẾN CÓ LỢI ÍCH CAO VỚI RÀNG BUỘC TỪ CÁC BIỂU DIỄN SỨC TÍCH CỦA CHÚNG

Trương Chí Tín^a, Dương Văn Hải^a, Trần Ngọc Anh^a, Lê Hoài Bắc^b

^aKhoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^bKhoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: haidv@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0977 749 751

Tóm tắt

Khai thác các mẫu tuân tự lợi ích cao được sử dụng để khám phá tập \mathcal{FHUS} bao gồm các chuỗi có lợi ích cao xuất hiện thường xuyên trong một cơ sở dữ liệu chuỗi lượng hóa (QSDB). Tuy nhiên, số lượng các chuỗi khai thác được trong tập \mathcal{FHUS} thường rất lớn, gây bất tiện cho người sử dụng khi phân tích và rút ra những tri thức hữu ích. Thực tế, họ chỉ quan tâm đến một số lượng bé các chuỗi trong \mathcal{FHUS} gắn liền với nhu cầu của họ. Trong bài báo này, chúng tôi xét bài toán khai thác tập \mathcal{FHUS}^1 gồm các chuỗi phổ biến lợi ích cao thỏa mãn các ràng buộc thuộc tính, một loại ràng buộc phù hợp với nhiều ứng dụng thực tế. Để giải quyết hiệu quả bài toán này, chúng tôi đề xuất một phương pháp tiếp cận mới để sinh ra nhanh tập \mathcal{FHUS}^1 từ các tập chuỗi đóng phổ biến lợi ích cao (\mathcal{FCHUS}) và chuỗi sinh phổ biến lợi ích cao (\mathcal{FGHUS}), thay vì khai thác nó trực tiếp từ một QSDB như hướng tiếp cận truyền thống trước đây. Phương pháp đề nghị được dựa trên mối quan hệ tương minh giữa \mathcal{FHUS} và cặp (\mathcal{FCHUS} , \mathcal{FGHUS}), và nó là cơ sở để thiết kế một thuật toán mới FHUSM-IC để khai thác hiệu quả tập \mathcal{FHUS}^1 . Thuật toán có thể tìm sớm nhiều tập con các chuỗi không thỏa mãn ràng buộc dựa trên việc chỉ kiểm tra ràng buộc trên một số lượng nhỏ các chuỗi đại diện của chúng. Hơn nữa, hiệu suất của nó không bị ảnh hưởng nhiều bởi sự thay đổi thường xuyên của những ràng buộc của người dùng. Những kết quả thực nghiệm chỉ ra rằng thuật toán được đề xuất có thể nhanh hơn hàng chục lần so với các phương pháp trước đây.

Từ khóa: Chuỗi phổ biến lợi ích cao; Chuỗi đóng và chuỗi sinh lợi ích cao; Khai thác mẫu với ràng buộc; Ràng buộc thuộc tính.

THUẬT TOÁN HIỆU QUẢ KHAI THÁC CÁC CHUỖI PHỔ BIẾN CÓ LỢI ÍCH TRUNG BÌNH CAO

Trương Chí Tín^a, Dương Văn Hải^a, Trần Ngọc Anh^a, Lê Hoài Bắc^b

^aKhoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^bKhoa Công nghệ Thông tin, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: haidv@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0977 749 751

Tóm tắt

Khai thác các chuỗi lợi ích cao trong cơ sở dữ liệu chuỗi lượng hóa là một nhiệm vụ quan trọng trong khai thác dữ liệu. Tuy nhiên, vấn đề chính của các hướng tiếp cận hiện tại là các chuỗi mở rộng của một chuỗi lợi ích cao thường cũng có lợi ích cao. Do đó, các phương pháp truyền thống thường có xu hướng tìm thấy rất nhiều mẫu dài. Để xử lý vấn đề này, bài báo đề xuất các phương pháp để giải quyết bài toán khai thác các chuỗi có lợi ích trung bình cao (HAUS) bằng việc sử dụng số đo lợi ích trung bình thay vì số đo lợi ích như các phương pháp trước đây. Các HAUS có ý nghĩa hơn các chuỗi lợi ích cao vì chiều dài của một chuỗi được xét khi tính toán lợi ích của chuỗi đó. Bài toán khai thác các HAUS tổng quát hơn bài toán khai thác các tập thuộc tính lợi ích trung bình cao, nhưng nó cũng khó hơn nhiều vì mỗi mẫu tuần tự có thể xuất hiện nhiều lần trong một chuỗi đầu vào của cơ sở dữ liệu chuỗi lượng hóa và lợi ích trung bình không thỏa tính chất đơn điệu giảm (downward-closure), một thuộc tính thường được sử dụng để rút gọn không gian tìm kiếm. Để giải quyết khó khăn đó, bài báo này giới thiệu hai chặn trên và một chặn trên yếu của số đo lợi ích trung bình, đề xuất bốn chiến lược nhằm tìm kiếm các chuỗi ứng viên và rút gọn nhanh không gian tìm kiếm trong suốt quá trình khai thác. Dựa trên những kết quả lý thuyết này, một thuật toán mới EHAUSM được đề xuất để khám phá các HAUS. Các thử nghiệm trên cả hai cơ sở dữ liệu chuỗi lượng hóa tổng hợp và thực tế đã cho thấy sự hiệu quả về thời gian khai thác và bộ nhớ sử dụng của thuật toán đề xuất.

Từ khóa: Khai thác lợi ích; Chuỗi lợi ích trung bình cao; Chặn trên; Chặn trên yếu; Chiến lược tia.

MỘT TIẾP CẬN THEO CHIỀU SÂU KHAI THÁC ĐỒNG THỜI CÁC TẬP PHỔ BIẾN ĐÓNG CÙNG CÁC TẬP SINH CỦA CHÚNG

Võ Tiến^a, Trần Ngọc Anh^{a,*}, Trương Chí Tín^a

^a Khoa Toán – Tin học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: anhtn@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0983 185 834

Tóm tắt

Các tập phổ biến đóng và các tập sinh của chúng tạo ra các biểu diễn không mất của lớp các tập phổ biến và tập các luật kết hợp. Do đó, khai thác hiệu quả chúng là một bước thiết yếu trong khai thác tập phổ biến và luật kết hợp. Các thuật toán đã đề xuất trước đây hoặc chỉ khai thác các tập phổ biến đóng hoặc chỉ khai thác các tập sinh, do đó để tìm các tập phổ biến đóng cùng các tập sinh của chúng, ta cần áp dụng tuần tự các thuật toán đó nên thời gian khai thác thường lớn. Vì các tập đóng và các tập sinh có quan hệ mật thiết với nhau, tiếp cận của đề tài là khai thác chúng một cách đồng thời với mục đích rút ngắn thời gian khai thác. Bằng một quá trình tìm kiếm theo chiều sâu, thuật toán khai thác các tập sinh theo thứ tự từ bé đến lớn. Trong quá trình đó, dựa vào mối quan hệ giữa các tập sinh và các tập đóng (bao đóng của chúng), ta sẽ hình thành dần các tập đóng bằng các toán tử mở rộng. Các thử nghiệm đã kiểm chứng tính đúng đắn của thuật toán.

Từ khóa: Tập phổ biến đóng; Tập sinh; Tập phổ biến; Luật kết hợp; Khai thác dữ liệu.

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH THÔNG TIN CÔNG TRÌNH (BIM) VÀO CÔNG TÁC BẢO TRÌ, DUY TU NHÀ THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Chu Văn Tư^a, Nguyễn Hoàng Nguyên^{b*}

^a Phòng Thí nghiệm Kết cấu công trình, Trường Đại học Bách khoa Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

^b Phòng Cơ sở Vật chất, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: nguyennh@dlu.edu.vn | Điện thoại: 038 2409891

Tóm tắt

Ngành xây dựng dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay đã tạo ra hàng loạt ứng dụng công nghệ mới trải rộng trong nhiều lĩnh vực, xuyên suốt từ quá trình hình thành dự án đầu tư đến giai đoạn quản lý chi phí, quản lý chất lượng và quyết toán dự án hoàn thành. Bài viết này hướng đến việc ứng dụng mô hình thông tin công trình - BIM (Building Information Model) vào công tác bảo trì, duy tu các công trình tiêu biểu vốn đã được xây dựng nhiều năm bằng mô hình quản lý truyền thống. Ứng dụng mô hình thông tin công trình đang được xem là công nghệ chủ đạo trong quản lý dự án đầu tư xây dựng hiện nay bởi tính ưu việt của khả năng cung cấp góc nhìn tổng thể, nâng cao hiệu quả đầu tư đồng thời giảm đáng kể rủi ro trong quá trình thực hiện các dự án xây dựng. Hướng sử dụng BIM đối với công tác bảo trì, vận hành, cải tạo hệ thống cơ sở vật chất đã có sẵn mang đến tiềm năng về nâng cao hiệu quả đầu tư các dự án cải tạo, sửa chữa trong xây dựng và công trình đại diện được sử dụng trong bài viết này là “Nhà Thư viện Trường Đại học Đà Lạt”.

Từ khóa: Mô hình thông tin công trình; BIM; Bảo trì, vận hành, cải tạo công trình xây dựng; Nhà Thư viện Trường Đại học Đà Lạt; Autodesk Revit.

XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC HÓA HỌC CỦA CÁC SAPONIN PHÂN LẬP TỪ LÁ CÂY BÙI BA HOA (*ILEX TRIFLORA*)

Trần Thị Nga^a, Trịnh Thị Diệp^{a*}

^aKhoa Hóa học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: dieptt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0986112230

Tóm tắt

Bùi ba hoa (*Ilex triflora* Bl., Aquifoliaceae) là loài cây thuộc chi *Ilex*, một chi có nhiều loài được sử dụng trong y học cổ truyền Trung Quốc và các nước Đông Nam Á với tên gọi là chè đắng để chữa cảm mạo, nhức đầu, ngứa mắt, viêm mũi, giải độc, chữa viêm phế quản, giảm ho, tiêu đờm, tăng cường tiêu hóa, giảm tác hại của bệnh tiêu chảy, ổn định thần kinh, tăng trí nhớ. Những kết quả nghiên cứu mới đây đã chứng minh dịch chiết từ một số loài *Ilex* có tác dụng giảm cholesterol, giảm mỡ máu, giảm chứng cao huyết áp, tăng cường lưu thông máu, ngăn chặn suy thoái chức năng tim và não, giãn khí quản, điều hòa mô mỡ, giảm tích tụ mỡ, chống béo phì. Bùi ba hoa có phân bố tự nhiên ở Lâm Đồng. Lá bùi ba hoa được người dân địa phương sử dụng làm trà uống hàng ngày để tăng cường sức khỏe nhưng hầu như chưa được nghiên cứu. Từ lá cây bùi ba hoa (*Ilex triflora* Bl.) thu tại Lâm Đồng bằng phương pháp chiết xuất phân đoạn kết hợp các phương pháp sắc ký đã phân lập được 4 hợp chất saponin. Cấu trúc hóa học của các hợp chất này đã được xác định dựa trên các phương pháp phổ IR, ¹H-NMR, ¹³C-NMR, DEPT, HMQC, HMBC, COSY và ESI-MS là 3-O- α -L-rhamnopyranosyl-(1 \rightarrow 2)- α -L-arabinopyranosyl- β -kudinlactone (1), 3-O- α -L-rhamnopyranosyl-(1 \rightarrow 2)- α -L-arabinopyranosyl- α -kudinlactone (2) 3-O- β -D-glucopyranosyl-(1 \rightarrow 3)[α -L-rhamnopyranosyl-(1 \rightarrow 2)]- α -L-arabinopyranosyl- β -kudinlactone (3) và 3-O-[α -L-rhamnopyranosyl (1-2)]- α -L-arabinopyranosyl pomolic acid 28-O- β -D-glucopyranoside (4). Đây là lần đầu tiên các hợp chất saponin này được công bố phân lập từ loài *Ilex triflora*.

Từ khóa: *Ilex triflora*; Saponin.

NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH HÀM LƯỢNG ASEN, CADIMI VÀ CHÌ TRONG MỘT SỐ BÀI THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

Vũ Thị Bảo Ngọc^{a*}, Lê Thị Thanh Trân^a

^aKhoa Hóa học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: ngoctb@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0966 260 635

Tóm tắt

Sự tồn dư của kim loại nặng trong dược liệu bào chế thuốc Y học cổ truyền (YHCT) là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự tích lũy các nguyên tố này trong cơ thể người sử dụng. Hiện nay tại Việt Nam vẫn chưa có quy định về giới hạn có mặt của các kim loại nặng trong dược liệu. Do đó, nghiên cứu này đã khảo sát các điều kiện tối ưu để định lượng các kim loại nặng As, Cd, Pb trong một số bài thuốc YHCT, bao gồm: quy trình xử lý mẫu trong hệ lò vi sóng bằng kỹ thuật vô cơ hóa ướt và định lượng bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử với kỹ thuật nguyên tử hóa trong lò graphit (GF-AAS) đối với Cd và Pb, kỹ thuật tạo hơi hydride đối với As (HG-AAS). Kết quả cho thấy phương pháp vô cơ hóa mẫu ướt trong hệ lò vi sóng kết hợp phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử đáp ứng tốt và phù hợp trong định lượng các kim loại này trong mẫu dược liệu và các bài thuốc YHCT có chứa nhiều thành phần. Nghiên cứu thực hiện trên đối tượng là 7 bài thuốc YHCT chữa các bệnh tiêu đường, sỏi mật và 3 bài thuốc cam chữa bệnh biếng ăn, viêm lợi cho trẻ em. Hàm lượng 3 kim loại trên trong các bài thuốc đã khảo sát dao động từ 0,026 đến 0,055 mg/kg (đối với asen); từ 0,034 đến 0,312mg/kg (đối với cadimi) và từ 0,246 đến 1,566 mg/kg (đối với chì) - hiệu suất thu hồi đạt trên 93%. Kết quả của đề tài này là cơ sở để tiếp tục triển khai những nghiên cứu tiếp theo về hàm lượng các kim loại nặng trong các bài thuốc YHCT nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu để đánh giá chất lượng các bài thuốc có mặt trên thị trường. Đồng thời cung cấp dữ liệu xây dựng quy chuẩn hàm lượng cho phép có mặt của các nguyên tố kim loại nặng có trong dược liệu bào chế các bài thuốc YHCT.

Từ khóa: Asen; Cadimi; Chì; AAS; Thuốc YHCT

EQUILIBRIUM ISOTHERM AND KINETIC MODELS FOR ADSORPTION OF AS(V) FROM AQUEOUS SOLUTION ON MIXED MN:FE OXIDE NANOPARTICLES

Le Ngọc Chung^{a*}, Huynh Van Tuan^b, Le Thanh Quoc^b

^aDalat University, Lamdong, Vietnam

^bMSc. Student at Dalat University, Lamdong, Vietnam

*Corresponding author: Email: chungln@dlu.edu.vn

Abstract

The adsorption of As(V) onto the synthetic mixed manganese-iron oxide nanoparticles with different ratios of Mn/Fe (1:1 and 1:2) in presence of ethanol have been studied. All the studies were conducted by a batch method to determine equilibrium and kinetic studies at the solution pH of 2-3 in the different concentration ranges of As(V). The experimental isotherm data were analyzed using the Langmuir, Freundlich, Temkin, Redlich- Peterson (R-P) and Dubinin-Radushkevich (D-R) equations. Correlation coefficient was determined for each isotherm analysis. The results shown that the Langmuir isotherm model achieved best fit with the equilibrium adsorption data for adsorption of As(V) ions, it indicates to monolayer adsorption nature of As(V) ions on mixed manganese-iron oxide nanoparticles with ratios of Mn/Fe (1:1 and 1:2). The maximum As(V) sorption capacity by Langmuir adsorption isotherm was obtained as 61.72 mg/g and 138.89 for mixed manganese-iron oxide nanoparticles with Mn:Fe molar ratio of (1:1) and mixed manganese-iron oxide nanoparticles with Mn:Fe molar ratio of (1:2) respectively. Adsorption kinetic data were tested using pseudo-first order, pseudo-second order and intra-particle diffusion models. Kinetic studies showed that the adsorption followed a pseudo-second order reaction. Studies revealed that intra-particle diffusion played an important role in the mechanism of As (V) adsorption on the mixed Mn:Fe oxide nanoparticles. By using intra- particle diffusion model proposed by Weber and Morris, it was obtained that there exist two different stages in adsorption: fast initial adsorption which is further limited by intra-particle diffusion.

Keywords: As(V); Mixed manganese-iron oxide nanoparticles with Mn:Fe ratio of 1:1 and 1:2; Langmuir; Freundlich; Tempkin; Redlich-Peterson; Dubinin-Radushkevich; Pseudo-first-order; Pseudo-second-order; Intra-particle diffusion.

COMPARING THE ADSORPTION BEHAVIORS OF AS(V) FROM AQUEOUS SOLUTIONS ONTO MIXED MANGANESE-IRON OXIDE NANOPARTICLES

Le Ngoc Chung^{a*}, Huynh Van Tuan^b, Le Thanh Quoc^b

^aDalat University, Lamdong, Vietnam

^bMSc. Student at Dalat University, Lamdong, Vietnam

*Corresponding author: Email: chungln@dlu.edu.vn

Abstract

The mixed manganese-iron oxide nanoparticles were synthesized at different molar ratio (1:0, 1:1, 1:2, 1:3, 3:1 of Mn-Fe) in presence of ethanol. Various techniques including powder XRD, scanning electron microscopy (SEM), transmission electron microscopy (TEM) and Brunauer–Emmet–Teller nitrogen adsorption (BET–N₂ adsorption) were used to characterize the mixed manganese-iron oxide nanoparticles. The results show that the size of mixed manganese-iron oxide nanoparticles were dependent on the ratio of water and ethanol ($V_{EtOH} : V_{Water} = 2:1$). The obtained nanoparticles with the average particle size about 10 - 20nm. The adsorption behaviors of As(V) ions on the mixed manganese-iron oxide nanoparticles were significantly affected by pH values. The adsorption efficiency of As(V) onto the adsorbents decreased with pH increased. Moreover, the adsorption behaviors of As(V) onto mixed manganese-iron oxide nanoparticles was dependent on the molar ratio of Mn:Fe. The maximal adsorption capacity of mixed Mn:Fe oxides with a Mn: Fe molar ratio of (1:0), (1:1) and (1:2) were 34.98 mg/g, 61.72 mg/g and 138.89 mg/g, respectively. The results showed that the mixed manganese-iron oxide nanoparticles with Mn:Fe molar ratio of 1:2 is a selective adsorbent for the adsorption of As(V) ions from aqueous solutions. The Langmuir and Freundlich adsorption models were used to describe the adsorption equilibrium of the As(V) ions onto the mixed manganese-iron oxide nanoparticles. Results showed that the adsorption equilibrium data fitted well to Langmuir isotherm and this indicated that adsorption of As(V) ions occurred on the mixed metal oxides adsorbents limited to the formation of a monolayer.

Keywords: Mixed manganese-iron oxide nanoparticles; At different molar ratio of Mn-Fe; Presence of ethanol; Amorphous; As(V); Langmuir; Freundlich.

NGHIÊN CỨU QUÁ TRÌNH HẤP PHỤ Cs^+ BỞI VẬT LIỆU NANO $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ VÀ $\text{Zn}_3[\text{Fe}(\text{CN})_6]_2$

Trương Đông Phương^a, Lê Thị Hà Lan^b, Đường Thị Hương Giang^a,
Nguyễn Đình Trung^{a*}

^aViện Nghiên cứu và Kiểm định, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^bTrường THPT Trần Phú, Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: trungnd@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0263.3701173

Tóm tắt

Quá trình hấp phụ ion cesi từ dung dịch nước bằng vật liệu $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ và $\text{Zn}_3[\text{Fe}(\text{CN})_6]_2$ có kích thước nano và ảnh hưởng của các điều kiện phản ứng đã được nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu sơ bộ cho thấy hai loại vật liệu này là các chất hấp phụ cesi rất hiệu quả. Đã điều chế được $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ và $\text{Zn}_3[\text{Fe}(\text{CN})_6]_2$ có kích thước nano mét làm vật liệu loại bỏ ion Cs^+ khỏi dung dịch. So sánh 2 loại vật liệu này, $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ có dung lượng hấp phụ ion Cs^+ cao hơn và thời gian phản ứng ngắn hơn so với $\text{Zn}_3[\text{Fe}(\text{CN})_6]_2$. Đối với $\text{Zn}_3[\text{Fe}(\text{CN})_6]_2$, quá trình hấp phụ đạt trạng thái cân bằng mất đến 20 giờ trong dãy pH thích hợp từ 3-7 trong khi đó $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ là 15 phút. Quá trình hấp phụ ion Cs^+ của vật liệu $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ tuân theo cơ chế trao đổi ion, quá trình trao đổi ion của vật liệu xảy ra với hiệu suất tốt nhất ở trong dãy pH 3-5, dung lượng trao đổi ion phụ thuộc vào pH, dung lượng trao đổi ion cực đại của vật liệu ở pH=4 đối với ion Cs^+ là 1,01 meq/g. Phản ứng đạt cân bằng trong thời gian khoảng 15 phút và ion Cs^+ bị loại khỏi dung dịch lên đến 98%, cả hai mô hình hấp phụ Langmuir và Freundlich không thể mô tả quá trình hấp phụ. Do $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$ có dung lượng trao đổi cực đại lớn, thời gian đạt cân bằng trao đổi nhanh, dễ tổng hợp, giá thành tổng hợp thấp nên chất này có thể trở thành chất hấp phụ hấp dẫn và đầy hứa hẹn trong việc xử lý ion Cs^+ trong nước..

Từ khóa: Cesi; Hấp phụ; $\text{Zn}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]$; $\text{Zn}_3[\text{Fe}(\text{CN})_6]_2$; Nano.

NGHIÊN CỨU QUÁ TRÌNH HẤP PHỤ Cs^+ BỞI VẬT LIỆU NANO $\text{CO}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]/\text{Fe}_3\text{O}_4$

Nguyễn Đức Thuận^a, Lê Thị Hà Lan^b, Nguyễn Thị Mỹ Ngọc^a,
Nguyễn Đình Trung^{a*}

^aViện Nghiên cứu và Kiểm định, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^bTrường THPT Trần Phú, Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: trungnd@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0263.3701173

Tóm tắt

Vật liệu $\text{Co}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]/\text{Fe}_3\text{O}_4$ có kích thước nano mét, được điều chế bằng phương pháp đồng kết tủa. Chúng có tính thuận từ nên dễ dàng được tách ra khỏi dung dịch nghiên cứu bằng nam châm. Quá trình hấp phụ ion Cs^+ của vật liệu này tuân theo cơ chế trao đổi ion, khả năng trao đổi ion của vật liệu phụ thuộc vào pH. Dung lượng trao đổi ion cực đại của vật liệu ở pH=4 đối với ion Cs^+ là 0,40 meq/g. Phản ứng đạt cân bằng trong thời gian khoảng 15 phút và ion Cs^+ bị loại khỏi dung dịch lên đến 98%, hai mô hình hấp phụ Langmuir và Freundlich có thể được sử dụng để mô tả quá trình. Do $\text{Co}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]/\text{Fe}_3\text{O}_4$ có dung lượng trao đổi cực đại lớn, thời gian đạt cân bằng trao đổi nhanh, dễ dàng tách chúng ra khỏi dung dịch nghiên cứu, dễ tổng hợp, giá thành tổng hợp thấp nên chất này có thể trở thành chất hấp phụ hấp dẫn và đầy hứa hẹn trong việc đánh xử lý ion này trong nước.

Từ khóa: Cesi; Hấp phụ; $\text{Co}_2[\text{Fe}(\text{CN})_6]/\text{Fe}_3\text{O}_4$ nano; Cơ chế hấp phụ.

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG KHÁNG NẤM CỦA NANO ĐỒNG - TỔNG HỢP BẰNG PHƯƠNG PHÁP SINH HỌC - ỨNG DỤNG BẢO VỆ GỖ THÔNG BA LÁ (*PINUS KESIYA*)

Trần Thị Bảo Trâm^a, Lê Thị Anh Tú^{b*}

^aNgành Sinh học Thực nghiệm, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^bKhoa Sinh học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: tulta@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0362902314

Tóm tắt

Vật liệu gỗ, đặc biệt là gỗ thông (*Pinus kesiya*) dễ cong vênh, nứt nẻ, và hư hỏng do tác động của môi trường, vi khuẩn, nấm mốc, ... từ đó làm giảm chất lượng gỗ. Vật liệu nano đồng được tổng hợp từ dịch chiết lá vối (*Cleistocalyx operculatus* (Roxb.) Merr & Perry) được nghiên cứu trong bảo quản gỗ thông để nâng cao độ bền tự nhiên, tăng khả năng kháng nấm và kháng môi. Nano đồng được tổng hợp trong điều kiện tối ưu là: dịch chiết lá vối với 20mM CuSO₄ theo tỉ lệ 1:1.5 (v/v), pH = 11, ở 80°C trong 30 phút. Đặc tính của nano đồng được nghiên cứu bằng quang phổ UV – Vis, kính hiển vi điện tử quét (SEM) và kính hiển vi điện tử truyền qua (TEM). Nano đồng được đánh giá khả năng kháng nấm gây mục gỗ (*Trichoderma*, *Fusarium*, *Aspergillus*, *Penicillin*) và hiệu quả bảo quản lên gỗ thông theo tiêu chuẩn châu Âu EN 84 và EN 118 của Hiệp hội bảo vệ gỗ Hoa Kỳ – AWP. Nano đồng tạo ra có phổ hấp phụ từ 550 – 650 nm, hình cầu và kích thước từ 10 – 50 nm, có khả năng kháng mạnh với cả 4 chủng nấm ở nồng độ 6 mg/ml. Gỗ thông được xử lý tẩm nano đồng ở nồng độ 4.5mg/ml có khả năng bảo vệ gỗ khỏi nấm và mối. Gỗ sau xử lý với nano đồng tổng hợp từ dịch chiết lá vối có hiệu lực tốt phòng chống nấm mục gỗ và mối gây hại.

Từ khóa: Bảo quản gỗ; Lá vối; Nano đồng; Thông ba lá.

TỐI ƯU HÓA QUÁ TRÌNH CHIẾT INULIN, FRUCTAN, CHẤT RẮN HÒA TAN TRONG RỄ ĐĂNG SÂM (*CODONOPSIS JAVANNICA*) CÓ SỰ HỖ TRỢ CỦA SÓNG SIÊU ÂM BẰNG PHƯƠNG PHÁP MẶT ĐÁP ỨNG (RSM) VỚI THIẾT KẾ BOX BEHNKEN (BBD)

Nguyễn Thị Thăng Long^{a*}, Nguyễn Trí Minh^a, Lê Như Bích^a

^aKhoa Nông Lâm, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: longntt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0984149458

Tóm tắt

Đăng sâm (*Codonopsis javanica*) là một loài thuộc chi *Codonopsis*, phân bố tự nhiên tập trung ở một số vùng cao trên 800 m ở Tây Nguyên Việt Nam và đã được biết đến với các tác dụng có lợi cho sức khỏe. Tối ưu hóa các thông số nhiệt độ, thời gian, tỉ lệ nước/nguyên liệu để thu Inulin, Fructan và tổng chất chiết hòa tan trong rễ Đăng sâm (*Codonopsis javanica*) có sự hỗ trợ của sóng siêu âm bằng phương pháp mặt đáp ứng RSM (Response Surface Methodology) với mô hình Box Behnken được nghiên cứu. Kết quả: Ở nhiệt độ tối ưu 71°C, thời gian 36 phút, tỉ lệ nước/nguyên liệu 47mL/g, hàm lượng Inulin, fructan và tổng chất rắn hòa tan tối đa thu được tương ứng lần lượt là 239.29 ± 3.78 ; 269.59 ± 1.99 mg/g và 61.35 ± 1.95 g/100g.

Từ khóa: Box- Benkhen; Đăng sâm (*Codonopsis javanica*); Inulin; Fructan; Siêu âm; Tối ưu hóa; Siêu âm.

BIẾN ĐỔI HÀM LƯỢNG INULIN, POLYPHENOL, FLAVONOIDS, ĐƯỜNG TỔNG SỐ, KHOÁNG VÀ HOẠT TÍNH CHỐNG OXY HÓA CỦA RỄ CỎ ĐĂNG SÂM (*CODONOPSIS JANICA*) THEO THỜI GIAN SINH TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thăng Long^a, Nguyễn Trí Minh^a

^aKhoa Nông Lâm, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: longnt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0984149458

Tóm tắt

Đăng sâm (*Codonopsis janica*) được đánh giá là thực vật dược giàu hoạt chất quý chỉ sinh trưởng ở tỉnh Lâm Đồng ở độ cao trên 800m. Bài báo này tập trung đánh giá hàm lượng inulin, polyphenol, flavonoids, đường tổng số, khoáng và hoạt tính chống oxy hóa (TAC, FRAP, ABTS) của rễ củ đăng sâm tự nhiên theo thời gian sinh trưởng (1, 2, 3 và 4 năm). Đăng sâm được thái lát mỏng, sấy khô ở 55- 60°C (âm 5-8%) để làm nguyên liệu. Kết quả cho thấy, hàm lượng hoạt chất (inulin, polyphenol, flavonoids), đường tổng số, khoáng và hoạt tính chống oxy hóa của rễ củ đăng sâm chịu tác động mạnh của thời gian sinh trưởng. Ở giai đoạn 1 năm tuổi, hàm lượng đường tổng cao nhất ($16,48^a \pm 1.45$ %), hàm lượng khoáng thấp nhất ($3,33 \pm 0.36$ %), ở giai đoạn 3 năm tuổi, hàm lượng inulin ($183,51 \pm 4.12$ mg inulin/gDW), polyphenol ($1,39^a \pm 0.055$ mgGAE/gDW), flavonoids $0,87^a \pm 0.007$ mgQE/gDW, hoạt tính chống oxy hóa (TAC ($23,64^a \pm 0,57$ mg Vit C/g DW), ABTS ($15,65^a \pm 1,98$ %) và FRAP ($15,39^a \pm 0,53$ mg/FeSO₄/gDW) là cao nhất, khi so sánh với các giai đoạn sinh trưởng khác. Kết quả sẽ là cơ sở khoa học để khuyến cáo người dân thu hoạch và chế biến đăng sâm phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp bền vững.

Từ khóa: Codonopsis; Flavonoids; Hoạt tính chống oxy hóa; Inulin; Polyphenol; Sinh trưởng.

HIỆU QUẢ CỦA QUY TRÌNH SỬ DỤNG TÍCH HỢP CÁC CHẾ PHẨM SINH, HÓA HỌC TRÊN CÂY CÀ PHÊ GIAI ĐOẠN KINH DOANH TẠI TÂY NGUYÊN

Trần Thị Minh Loan^{a*}, Phạm Thu Hằng^b, Hà Việt Sơn^c

^aKhoa Nông lâm, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^bViện Di truyền Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

^cViện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: loanttm@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0983001030

Tóm tắt

Trồng và chăm sóc cà phê thời kỳ kiến thiết có vai trò quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng nhằm khai thác cà phê bền vững. Sử dụng tích hợp các chế phẩm sinh, hóa học bao gồm chế phẩm vi sinh đa chức năng CAFE-HTD01, phân cải tạo đất Polyfa-TN3, phân nhả chậm NPK và thuốc trừ sâu sinh học Anisaf -SH01 trong canh tác cà phê thời kỳ kiến thiết đã thay thế được 35% phân hóa học và 100% thuốc bảo vệ thực vật trong phòng trừ rệp sáp so với quy trình canh tác cà phê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kết quả cho thấy cà phê thời kỳ kiến thiết sinh trưởng và phát triển nhanh hơn so với đối chứng với số cành, số lá mới hình thành nhiều hơn so với đối chứng, cải tạo được tính chất vật lý của đất (tăng hàm lượng mùn, tỉ lệ H/F dần bằng 1, tăng khả năng giữ ẩm nước của đất), cải tạo tính chất sinh học đất (tăng hàm lượng vi sinh vật phân giải lân, cố định đạm và nấm đối kháng), giảm mật độ vi sinh vật gây bệnh. Năng suất cà phê thời kỳ kiến thiết năm thứ 3 đạt gần 4 tấn nhân/ha, nên có thể chuyển nhanh qua thời kỳ kinh doanh.

Từ khóa: Cà phê thời kỳ kiến thiết; Tích hợp.

ĐÁNH GIÁ DẦU CHÂN NƯỚC XÁM TRÊN CÂY HOA CÚC CANH TÁC TẠI KHU VỰC THƯỢNG NGUỒN HỒ XUÂN HƯƠNG, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT

Nguyễn Thị Thanh Thuận^{a*}, Hồ Thị Hằng^a, Chế Đình Lý^b

^a Khoa Môi trường và Tài nguyên,, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^b Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: thuannt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0349773338

Tóm tắt

Áp dụng phương pháp luận của Mạng dầu chân nước (WFN), dầu chân nước xám gây ra bởi việc sử dụng phân bón trong quá trình canh tác hoa cúc tại khu vực thượng nguồn Hồ Xuân Hương, Thành phố Đà Lạt đã được xác định. Tổng dầu chân nước xám xác định được vào khoảng 1006,89 m³/tấn sản phẩm. Dầu chân nước xám từ nguồn phân có chứa đạm chiếm khoảng 29,41% tổng dầu chân nước xám, trong khi đó lượng này chiếm đến 70,59% từ nguồn có chứa lân. Việc thực hành nông nghiệp tốt theo hướng bền vững dựa vào các hướng dẫn kỹ thuật có thể cắt giảm dầu chân nước xám, giảm ô nhiễm nguồn nước một cách hiệu quả. Cụ thể, dầu chân nước xám gây ra bởi N có thể giảm khoảng 30,65%, và bởi P khoảng 36,05%. Tổng dầu chân nước có thể cắt giảm là 347 m³/tấn sản phẩm

Từ khóa: Dầu chân nước xám; Hoa cúc; Mạng dầu chân nước (WFN);

TRAO ĐỔI THÊM VỀ THỜI ĐIỂM RA ĐỜI CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU TAM PHỦ

Cao Thế Trình^{a*}

^aKhoa Quốc tế học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: trinhct@dlu.edu.vn

Tóm tắt

Trên cơ sở phân tích các dữ liệu huyền thoại, các đạo sắc phong và bối cảnh lịch sử, tác giả bài báo cho rằng tín ngưỡng thờ Mẫu nói chung có thể ra đời sớm, gắn với khát vọng phồn thực của cư dân nông nghiệp, còn tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ là tục thờ vị Nữ thần Tài Lộc của tầng lớp nữ tiểu thương, gắn với nhu cầu về một vị nữ thần phù trợ, “ban tài phát lộc” cho những người làm nghề buôn bán. Do vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ không thể xuất hiện sớm hơn thời điểm đầu thế kỷ thứ XVII, bởi các nguồn tài liệu thư tịch của Việt Nam và các giáo sỹ phương Tây thời đó đều chưa đề cập tới huyền thoại và hiện tượng thờ Mẫu Liễu ở Đàng ngoài. Là loại hình tín ngưỡng hình thành và phát triển trên cơ sở hoạt động buôn bán nhỏ lẻ, nên khi đất nước vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường, nó đã bùng phát mạnh mẽ cả về cơ sở thờ tự và hoạt động lên đồng- hầu bóng, gây lãng phí về thời gian, tiền của và sức khỏe của tín đồ. Để tín ngưỡng thờ Mẫu phát triển lành mạnh đúng với bản chất tốt đẹp của nó, theo tác giả cần hết sức cảnh giác với hiện tượng “thương mại hóa” hoạt động thờ Mẫu nói chung và lên đồng – nói riêng.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian; Thánh Mẫu; Thánh Mẫu Liễu Hạnh; Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ/Tứ phủ.

ĐẶC TRƯNG TRONG TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU Ở LÂM ĐỒNG

Bùi Thị Thoa^{a*}

^aKhoa Quốc tế học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam
^{*}Tác giả liên hệ: Email: thoabt@dlu.edu.vn / Điện thoại: 0986590766

Tóm tắt

Từ lâu, tín ngưỡng thờ Mẫu đã trở thành đề tài thu hút nhiều nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khoa học khác nhau. Đặc biệt sau sự kiện Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới, số lượng các công trình, bài viết đề cập đến những khía cạnh khác nhau của tục thờ này càng phong phú. Giữa những năm 20 của thế kỷ XX, tín ngưỡng thờ Mẫu xuất hiện trên cao nguyên Lang Biang cùng với quá trình di cư, tụ cư và hình thành cộng đồng người Việt tại vùng đất này. Trải qua gần một thế kỷ du nhập, định hình và phát triển tại vùng đất mới Nam Tây Nguyên, bên cạnh việc lưu giữ các giá trị nhận thức, giá trị nhân sinh và văn hóa nghệ thuật truyền thống của tín ngưỡng thờ Mẫu châu thổ Bắc bộ, tục thờ Mẫu của người Việt ở Lâm Đồng đã có quá trình giao thoa, định hình và phát triển với không ít khác biệt. Những đặc trưng ấy được thể hiện ở sự đa dạng trong hình thức thờ tự và sinh hoạt sinh hoạt tín ngưỡng. Bằng một số phương pháp chủ yếu như tổng hợp, phân tích, phương pháp nghiên cứu định tính với hướng tiếp cận điền dã dân tộc học qua hai hình thức quan sát và tham dự cũng như thực hiện phỏng vấn sâu... nghiên cứu sẽ đề cập đến những đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Lâm Đồng trên cơ sở so sánh với tục thờ cùng tên gọi trên phạm vi cả nước. Bên cạnh đó, bài viết cũng chỉ ra một số nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự hình thành các đặc trưng ấy.

Từ khóa: Tín ngưỡng; Tín ngưỡng thờ Mẫu; Lâm Đồng; Người Việt

NHÂN VẬT THẦN LINH TRONG SỬ THI XƠ ĐĂNG

Lê Ngọc Bích^{a*}

^aKhoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^{*}Tác giả liên hệ: Email: binhln@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0972187846

Tóm tắt

Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi sẽ tìm hiểu nhân vật thần linh trong hệ thống nhân vật của sử thi dân tộc Xơ Đăng. Thần linh vừa là sản phẩm của tín ngưỡng, đồng thời qua tài năng của nghệ nhân hát kể h' muan đã trở thành một kiểu nhân vật sử thi độc đáo mang đầy đủ đặc tính của nhân vật văn học. Bài nghiên cứu sẽ nêu lên thuật ngữ nhân vật thần linh, nguyên nhân xuất hiện và quan niệm của người Xơ Đăng về thần linh thông qua sử thi của dân tộc này. Bên cạnh đó, qua miêu tả của sử thi, chúng tôi sẽ khảo sát mối quan hệ giữa thần linh với con người, vai trò và sự tác động của nhân vật thần linh với cốt truyện cũng như với các tuyến nhân vật khác, từ đó cho thấy sự ảnh hưởng của nhân vật thần linh trong toàn bộ kết cấu sử thi cũng như đời sống của người Xơ Đăng trong thời đại sử thi xuất hiện. Kết quả nghiên cứu nhằm khẳng định nhân vật thần linh vừa là sản phẩm văn hóa của người Xơ Đăng nói chung và là một kiểu nhân vật văn học có vai trò trong việc hình thành kết cấu cốt truyện và hỗ trợ các nhân vật khác, đặc biệt là nhân vật người anh hùng Dăm Duông trong sự nghiệp lao động, chiến đấu bảo vệ, xây dựng cộng đồng, làng buôn của chàng trong sử thi Xơ Đăng. Bài nghiên cứu sẽ góp phần bổ sung lý thuyết về nhân vật văn học cho quá trình khảo sát và hoàn chỉnh hệ thống nhân vật trong sử thi Xơ Đăng, từ đó góp phần nghiên cứu, bảo lưu, phát huy và quảng bá bộ sử thi hấp dẫn, đầy giá trị của dân tộc Xơ Đăng ở Tây Nguyên.

Từ khóa: Dân tộc; Nhân vật; Sử thi; Thần linh; Tín ngưỡng; Xơ Đăng.

ĐẶC ĐIỂM VỀ HÌNH TƯỢNG VĂN HỌC GIAI ĐOẠN THẾ KỶ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XV

Nguyễn Cảnh Chương^{a*}

^aKhoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

^{*}Tác giả liên hệ: Email: chuongnc@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0919991829

Tóm tắt

Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XV, xét về một phương diện, có thể xem là lịch sử của một dân tộc không ngừng phải tiến hành những cuộc chiến tranh chống xâm lược để bảo vệ và khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia. Văn học trung đại Việt Nam giai đoạn thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XV là giai đoạn mở đầu cho nền văn học viết, phản ánh rất rõ lịch sử dân tộc, có những đặc điểm riêng về lực lượng sáng tác, hình thức thể loại và ngôn ngữ, đặc biệt là hình tượng văn học. Bằng phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, bài viết tập trung làm nổi bật đặc điểm về hình tượng văn học của giai đoạn văn học này: từ hình tượng các nhà sư đến hình tượng người anh hùng vệ quốc, trong đó có hình tượng người anh hùng chiến thắng và hình tượng người anh hùng lỡ vận.

Từ khóa: Hình tượng văn học; Anh hùng vệ quốc; Hình tượng nhà sư; Văn học trung đại.

LỜI VĂN NGHỆ THUẬT TRONG MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI

Đỗ Thị Phương Lan^{a*}

^aKhoa Sư phạm, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: landtp@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0989596364

Tóm tắt

Định hướng nghiên cứu tác phẩm văn chương dưới góc nhìn thể loại truyện ngắn, tác giả bài viết qua khảo sát lời văn nghệ thuật (trong một số truyện ngắn Việt Nam hải ngoại khuynh hướng tìm về cội nguồn) đã ghi nhận một số đóng góp của mảng truyện này nhằm xác quyết một số giá trị của văn chương ngoài nước sau 1975. Bài viết chỉ ra lời văn nghệ thuật trong truyện ngắn Việt Nam hải ngoại đã có một số khía cạnh đặc thù: phong vị lãng mạn- tiền chiến, phong vị ngữ ngôn Nam bộ, màu sắc cách tân- hội nhập, cách tư duy nghệ thuật- phong cách sáng tác nhà văn và một số đóng góp khác về mặt thể loại. Từ kết quả nghiên cứu bước đầu, tác giả khẳng định hướng nghiên cứu và nội dung nghiên cứu mới mẻ- duy nhất cho đến nay ở trong nước, từ đó góp phần định hướng kế thừa và phát triển cho những công trình nghiên cứu sâu hơn (của cá nhân hoặc hướng phát triển nghiên cứu- đào tạo đại học và sau đại học về Văn học Việt Nam hải ngoại còn rất mới mẻ hiện nay) nhằm góp một cái nhìn mới về diện mạo văn học Việt Nam đương đại.

Từ khóa: Màu sắc cách tân- hội nhập; Lời văn nghệ thuật; Phong vị lãng mạn- tiền chiến; Phong vị ngữ ngôn Nam bộ; Thi pháp thể loại truyện ngắn; Truyện ngắn Việt Nam hải ngoại.

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ TẠI TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH LÂM ĐỒNG

Phan Kiều Thuận^{a*}

^aKhoa Sư phạm, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: thuanpk@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0979163175

Tóm tắt

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục trong nhà trường phổ thông, một thành tố quan trọng cấu thành nên chương trình giáo dục quốc gia – chương trình giáo dục phổ thông mới. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử là nội dung được tiến hành song song và kết hợp với hoạt động dạy học trong nhà trường phổ thông, nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất trong việc giáo dục học sinh. Khái niệm hoạt động trải nghiệm tuy không còn quá xa lạ và đã, đang được triển khai tại các trường phổ thông thời gian gần đây, nhưng không phải giáo viên nào cũng nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng, ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm, không phải hoạt động nào tổ chức cũng đạt được hiệu quả mong đợi. Bài viết tập trung làm rõ khái niệm hoạt động trải nghiệm, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử, từ đó chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử tại một trường phổ thông trên địa bàn tỉnh: trường Phổ thông Dân tộc nội trú (PTDTNT) tỉnh Lâm Đồng. Nội dung khảo sát tập trung vào một số vấn đề liên quan đến thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn Lịch sử, các hình thức, phương pháp tổ chức, nhận thức và hiểu biết của học sinh, cách thức kiểm tra đánh giá của giáo viên cũng như mức độ hứng thú của học sinh khi được tham gia vào hoạt động trải nghiệm trong học tập bộ môn Lịch sử. Kết quả nghiên cứu góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức về hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử, đồng thời từ những thực tiễn khảo sát được sẽ là cơ sở để ra một số giải pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông nói chung và trường PTDTNT tỉnh Lâm Đồng nói riêng đạt hiệu quả và chất lượng cao hơn. Nếu có những biện pháp tổ chức, thiết kế hoạt động trải nghiệm một cách hấp dẫn và sinh động hơn sẽ giúp các em yêu thích bộ môn Lịch sử và phát triển toàn diện phẩm chất cũng như năng lực của mình.

Từ khóa: Dạy học; Lịch sử; Hoạt động trải nghiệm; Trung học phổ thông.

DẤU ẤN SÔNG NƯỚC THỂ HIỆN TRONG LỄ HỘI CỦA CƯ DÂN ĐÔNG NAM Á

Trần Thị Hiền^{a*}

^aKhoa Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: hientt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0986264964

Tóm tắt

Đông Nam Á là một khu vực có hệ thống sông ngòi chằng chịt. Đối với cư dân nơi đây, sông nước là yếu tố quan trọng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đặc trưng của họ. Sông nước được xem là tiền đề cho sự hình thành và phát triển rực rỡ của nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước. Chính vì vậy, ở khu vực Đông Nam Á, dấu ấn về sông nước đã được thể hiện qua nhiều lĩnh vực đời sống văn hóa vật chất và tinh thần, trong đó có lễ sinh động nhất đó là thông qua các lễ hội. Ở khu vực Đông Nam Á, các lễ hội liên quan đến yếu tố sông nước được tổ chức nhiều ở các nước như: Việt Nam, Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar... Mặc dù có sự khác nhau về thời gian, không gian, quy mô tổ chức, nhưng tựu chung lại, tính chất, ý nghĩa của các nghi lễ này đều thể hiện tầm quan trọng cũng như sự tôn sùng của người dân đối với sông nước. Trong khuôn khổ bài viết “Dấu ấn sông nước thể hiện trong lễ hội của cư dân Đông Nam Á”, chúng tôi hướng đến việc tìm hiểu văn hóa nhận thức và văn hóa ứng xử của người dân Đông Nam Á đối với sông nước thông qua các lễ hội. Từ đó rút ra những nhận định về vai trò của sông nước cũng như việc phát huy và giữ gìn những giá trị văn hóa liên quan đến sông nước của cư dân trong khu vực Đông Nam Á.

Từ khóa: Đông Nam Á; Lễ hội; Sông nước; Văn hóa.

CHÍNH SÁCH CỦA THỰC DÂN PHÁP ĐỐI VỚI CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TÂY NGUYÊN

Nguyễn Văn Bắc^{a*}

^aKhoa Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: bacnv@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0918117317

Tóm tắt

Sau khi về cơ bản dập tắt phong trào Cần Vương, từ cuối thế kỷ XIX người Pháp bắt đầu tiến hành điều tra tất cả các khu vực địa lý trên toàn lãnh thổ Việt Nam để làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách cai trị phù hợp với từng địa bàn. Vị trí chiến lược về địa chính trị - địa quân sự, nguồn tài nguyên phong phú và sự đa dạng về sắc tộc ở Tây Nguyên đã tạo ra sức hút mạnh mẽ không chỉ đối với nhà cầm quyền thực dân mà còn đối với giới học giả thuộc nhiều lĩnh vực học thuật khác nhau. Cho đến nay mặc dù đã có nhiều học giả quan tâm đến lịch sử vùng đất Tây Nguyên thời thuộc địa (đặc biệt là cụm các công trình về lịch sử Đảng bộ và Du địa chỉ các địa phương) nhưng các nghiên cứu này chủ yếu tập trung mô tả chính sách bóc lột của người Pháp và lịch sử đấu tranh cách mạng các dân tộc thiểu số dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở phân tích hệ thống văn bản pháp quy của Toàn quyền Đông Dương, Quốc trưởng Bảo Đại và tổng hợp những nghiên cứu liên quan, tác giả bài viết hy vọng sẽ góp phần làm rõ thêm về quá trình thiết lập hệ thống chính quyền, tổ chức sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh và chính sách dân tộc của thực dân Pháp đối với các dân tộc thiểu số ở đây.

Từ khóa: Chính sách cai trị; Dân tộc thiểu số; Đơn vị hành chính cấp tỉnh; Tây Nguyên.

BIẾN ĐỔI TRONG HÔN NHÂN CỦA NHÓM CƠ HO LẠCH Ở LÂM ĐỒNG

Nguyễn Thi Hồng^{a*}

^a*Khoa Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam*

^{*}*Tác giả liên hệ: Email: hongnt_ls@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0969264279*

Tóm tắt

Mỗi tộc người đều có những đặc trưng riêng về kinh tế, văn hóa, xã hội... và đó cũng chính là đối tượng nghiên cứu của các nhà Dân tộc học. Dưới góc độ nghiên cứu về biến đổi trong hôn nhân của nhóm Cơ ho Lạch, chúng tôi nhận thấy nhóm người này có quan niệm “hôn nhân không phải là việc của riêng ai mà là việc chung của cả gia đình, dòng họ, thậm chí là của cả cộng đồng”. Hôn nhân truyền thống của họ có nhiều đặc trưng riêng, phản ánh rõ nét hôn nhân theo chế độ mẫu hệ với nhiều nghi thức, nghi lễ chứa đựng nhiều quan niệm, phong tục tập quán, biểu hiện tâm lí, tình cảm con người... Trải qua nhiều biến động thăng trầm trong lịch sử, đặc biệt là sự xuất hiện của đạo Thiên chúa, đạo Tin Lành, những chính sách của Đảng và Nhà nước về hôn nhân và gia đình, sự phát triển của nền kinh tế thị trường và quá trình tiếp xúc với khoa học – công nghệ hiện đại, sự giao lưu tiếp xúc với các tộc người khác, ... đã làm cho quan niệm về hôn nhân cũng như những nghi thức, nghi lễ trong hôn nhân của họ có nhiều biến đổi theo chiều hướng cả tích cực và tiêu cực. Vì vậy, trong khuôn khổ của bài viết, tác giả sẽ làm nổi bật những biến đổi quan trọng trong hôn nhân của nhóm Cơ ho Lạch ở Lâm Đồng.

Từ khóa: Biến đổi hôn nhân; Hôn nhân truyền thống; Người Lạch

ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH DI DÂN TỰ DO CỦA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ PHÍA BẮC ĐẾN NỀN KINH TẾ LÂM ĐỒNG TỪ NĂM 1976 ĐẾN NĂM 2015

Nguyễn Thị Hà Giang^{a*}

^aKhoa Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: giangnth_ls@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0358 815 888

Tóm tắt

Từ năm 1976 đến năm 2015, luồng di dân tự do là các tộc người thiểu số phía Bắc vào Lâm Đồng xuất hiện và trở thành luồng di cư tự do chủ đạo trong các giai đoạn sau ở địa phương. Mục tiêu của bài viết là nghiên cứu và phân tích tác động của luồng di dân này đối với nền kinh tế Lâm Đồng trong giai đoạn từ năm 1976 đến năm 2015. Để đạt được mục tiêu đề ra, phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện dựa trên cơ sở các nguồn tài liệu lưu trữ ở Chi cục văn thư lưu trữ thuộc sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng, công an tỉnh Lâm Đồng và các số liệu do các cơ quan chức năng của tỉnh Lâm Đồng cung cấp như: Cục Thống kê, Chi cục Kiểm lâm. Ngoài ra, các luận điểm của đề tài được hình thành trên cơ sở tài liệu thực tế điền dã của tác giả ở các địa bàn của Lâm Đồng. Từ kết quả nghiên cứu, đề tài chỉ ra những tác động trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực của luồng di dân tự do các tộc người thiểu số phía Bắc đến nền kinh tế Lâm Đồng và đưa ra những giải pháp tham vấn cho chính quyền địa phương nhằm tận dụng những cơ hội phù hợp với điểm mạnh của vấn đề di dân tự do, giảm thiểu những hạn chế trong chiến lược phát triển kinh tế Lâm Đồng một cách bền vững.

Từ khóa: Dân tộc thiểu số phía Bắc; Di dân tự do; Kinh tế; Lâm Đồng.

QUÁ TRÌNH THIẾT LẬP HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH TỪ ĐÈO NGANG ĐẾN MIỀN TÂY NAM BỘ (THẾ KỶ XI - XVII)

Bùi Văn Hùng^{a*}

^aPhòng Đào tạo Thường xuyên, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: hungbv@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0913181717

Tóm tắt

Từ thế kỷ XI đến thế kỷ XVII, các triều đại phong kiến Việt Nam không ngừng xây dựng và củng cố nền độc lập dân tộc. Trong quá trình ấy, việc hoạch định cương giới lãnh thổ là vấn đề đặc biệt quan trọng mang tính thường xuyên, liên tục, nhất là ở vùng đất phía Nam của Tổ quốc. Việc xác lập đơn vị hành chính từ Đèo Ngang đến cực Nam của đất nước không chỉ là sự khẳng định chủ quyền lãnh thổ mà còn có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của quốc gia, dân tộc. Bài báo đề cập các nội dung về xác lập chủ quyền, tổ chức sản xuất, ổn định an ninh - văn hóa - xã hội của các vương triều: Thời nhà Lý, Trần là xác lập đơn vị hành chính ở vùng đất phía Bắc đèo Hải Vân; Vương triều Hồ, Lê Sơ xác lập đơn vị hành chính ở vùng đất phía Bắc đèo Cù Mông; Các chúa Nguyễn khẳng định chủ quyền lãnh thổ từ Đèo Cù Mông đến Hà Tiên. Kết quả nghiên cứu nhằm cung cấp thông tin và những dữ liệu lịch sử, đồng thời là nguồn tri thức tốt cho giảng viên và sinh viên các ngành khoa học xã hội và nhân văn Trường Đại học Đà Lạt, cũng như những ai quan tâm đến mảng đề tài này.

Từ khóa: Cương giới lãnh thổ; Đèo Ngang đến cực Nam; Đơn vị hành chính; Thế kỷ XI đến XVII.

CẦM CỐ BẤT ĐỘNG SẢN THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY

Lê Thị Bích Chi^{a*}, Nguyễn Xuân Bang^a

^aKhoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: chiltb@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0904456353

Tóm tắt

Cầm cố tài sản là một trong những biện pháp bảo đảm tồn tại từ rất lâu đời, được áp dụng phổ biến trong thực tiễn giao lưu dân sự. Tuy nhiên, do có một số quan điểm khác nhau trong việc xác định đối tượng cầm cố nên dẫn đến việc áp dụng pháp luật không thống nhất về đối tượng cầm cố, hình thức của hợp đồng và hiệu lực của thỏa thuận cầm cố. Điều này không chỉ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chính các chủ thể trong quan hệ cầm cố mà trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Trong phạm vi bài viết này, trên cơ sở phân tích các khái niệm cầm cố và tài sản, sự phân loại tài sản theo quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015, nhóm tác giả cho rằng bất động sản hoàn toàn có thể trở thành đối tượng cầm cố. Nói cách khác, việc cho rằng, bất động sản không phải là đối tượng cầm cố cũng như không chấp nhận những giao dịch cầm cố bất động sản rõ ràng là không có cơ sở khoa học pháp lý vững chắc. Bên cạnh đó, dựa vào tính chất tương đồng về mục đích, ý nghĩa giữa thế chấp và cầm cố bất động sản, nhóm tác giả luận giải những vấn đề pháp lý liên quan đến hình thức và đăng ký giao dịch bảo đảm đối với cầm cố bất động sản. Cuối cùng, với những lập luận nói trên, cũng như trên cơ sở phân tích, đánh giá những bất cập trong các văn bản pháp luật liên quan về cầm cố bất động sản như Bộ luật Dân sự, Luật Nhà ở, Luật Đất đai, nhóm tác giả cơ sở đưa ra một số kiến nghị góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật đối với các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nói chung và cầm cố bất động sản nói riêng như sửa đổi quy định về thời điểm chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực đối kháng với người thứ ba, bổ sung quy định cầm cố quyền sử dụng đất, cầm cố nhà ở của người có quyền sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở trong giao dịch dân sự (hoặc không theo hướng liệt kê từng loại giao dịch dân sự mà chỉ ghi nhận có quyền được thực hiện giao dịch dân sự hợp pháp theo quy định của pháp luật). Ngoài ra các cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm cũng cần có những quy định hướng dẫn đăng ký và Tòa án nhân dân tối cao cũng cần ban hành văn bản hướng dẫn về hiệu lực của cầm cố bất động sản.

Từ khóa: Cầm cố tài sản; Bất động sản; Pháp luật dân sự.

PHÁP LUẬT VỀ CHẾ ĐỘ TÀI SẢN CỦA VỢ CHỒNG THEO THỎA THUẬN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Nguyễn Thị Thu Hoài^{a*}

^aKhoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam
^{*}Tác giả liên hệ: Email: hoaintt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0962775059

Tóm tắt

Chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận là một loại trong chế độ tài sản của vợ chồng, mới được ghi nhận trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận có nhiều ưu điểm, làm cho việc điều chỉnh quan hệ tài sản giữa vợ chồng được linh hoạt hơn, nhất là ở những cặp vợ chồng có nhu cầu đầu tư kinh doanh riêng, chi tiêu độc lập... Tuy nhiên, việc quy định chế độ tài sản này trong các văn bản pháp luật hiện nay còn sơ sài, thiếu tập trung, làm cho việc áp dụng pháp luật trở nên hạn chế. Do đó, tìm hiểu pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận trong giai đoạn hiện nay là cần thiết. Vì vậy, bài viết này tập trung nghiên cứu và phân tích các quy định của pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận để làm sáng tỏ các quy định của pháp luật về vấn đề này. Cụ thể, bài viết sẽ phân tích làm rõ các vấn đề pháp lý sau đây: Căn cứ xác lập chế độ tài sản theo thoả thuận; Căn cứ chấm dứt chế độ tài sản theo thoả thuận; Hệ quả pháp lý khi chấm dứt chế độ tài sản theo thoả thuận; Nội dung cơ bản của thoả thuận về chế độ tài sản theo thoả thuận và các quy định pháp luật về thực hiện chế độ tài sản theo thoả thuận. Từ đó, bài viết cũng chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật trong quy định hiện hành. Đồng thời tác giả cũng đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: Chế độ tài sản; Chế độ tài sản theo thoả thuận; Chế độ tài sản theo luật định.

XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM TIỀN VAY TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT

Lê Thị Thu Hiền^{a*}

^aKhoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam
^{*}Tác giả liên hệ: Email:hienlth@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0978434379

Tóm tắt

Với vai trò là trung gian tài chính, hoạt động của các ngân hàng thương mại luôn đứng trước nguy cơ rủi ro mà chủ yếu là rủi ro tín dụng; một trong những giải pháp cho các ngân hàng là bắt buộc người vay phải có tài sản bảo đảm nếu muốn sử dụng vốn vay. Để hạn chế rủi ro, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay là một trong những biện pháp cần thiết để các ngân hàng thu hồi vốn hiệu quả vì hoạt động cho vay của các ngân hàng không phải lúc nào cũng được tiến hành một cách thuận lợi. Tuy nhiên, khi xử lý tài sản bảo đảm có nghĩa là món vay đó không có hiệu quả và về nguyên tắc các ngân hàng thường không muốn tình trạng này xảy ra, thực tế cho thấy xử lý tài sản bảo đảm thường là biện pháp cuối cùng mà các ngân hàng áp dụng để thu hồi nợ. Với tư cách là bên cho vay, bên nhận bảo đảm, các ngân hàng là chủ thể bị vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp, là chủ thể cần được pháp luật bảo vệ. Trong nội dung bài viết, tác giả sẽ tập trung phân tích các quy định của pháp luật về các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm; các phương thức xử lý tài sản cầm cố, thế chấp và thủ tục xử lý tài sản bảo đảm để làm sáng tỏ các quy định của pháp luật về vấn đề này, đồng thời đánh giá các hạn chế và tác động tới ngân hàng. Từ đó, bài viết chỉ ra những hạn chế, bất cập của pháp luật trong quy định hiện hành; đồng thời tác giả cũng đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật về chế độ xử lý tài sản bảo đảm tiền vay tại ngân hàng thương mại, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa: Xử lý tài sản bảo đảm; Tín dụng; Ngân hàng thương mại; Pháp luật dân sự; Luật ngân hàng.

NGHĨA VỤ THUẾ CỦA DOANH NGHIỆP QUẢNG CÁO XUYÊN BIÊN GIỚI TẠI VIỆT NAM

Võ Thị Thanh Linh^{a*}

^aKhoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: linhvtt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0987103979

Tóm tắt

Trong bối cảnh hiện nay, việc đánh thuế quảng cáo lên các công ty xuyên biên giới vướng phải nhiều khó khăn không chỉ từ góc độ pháp lý mà còn từ góc độ chính trị, xã hội. Qua đánh giá thực tiễn, đề tài định hướng phân tích các yêu cầu thu thuế đối với doanh nghiệp quảng cáo xuyên biên giới trong bối cảnh mới. Bên cạnh đó, làm rõ các vấn đề lý luận về doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới có phát sinh doanh thu trên lãnh thổ Việt Nam cũng như những thách thức đặt ra đối với các quy định về thu thuế đối với các doanh nghiệp này. Điểm mấu chốt của đề tài là: (1) Đánh giá thực trạng pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế Giá trị gia tăng của hoạt động quảng cáo xuyên biên giới ở Việt Nam. (2) Nghiên cứu ảnh hưởng của nền kinh tế số đến vấn đề thuế và các sáng kiến lập pháp của Châu Âu với mục đích tìm hiểu các sáng kiến lập pháp và những trở ngại đối với các sáng kiến lập pháp của Liên minh Châu Âu liên quan đến việc thu thuế quảng cáo trực tuyến, từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm góp phần hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quy định thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới. (3) Các giải pháp hiện tại của Việt Nam đã tương đối phù hợp nhưng chưa đủ cơ chế thực thi để bắt buộc các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới thực hiện nghĩa vụ thuế. Do đó, từ góc độ đảm bảo nguồn thu thuế phí, pháp luật Việt Nam cần có hướng hoàn thiện linh hoạt và phù hợp với bối cảnh, tức phải có lộ trình cải thiện việc thu thuế một cách hợp lý. Đề tài đưa ra các nhóm giải pháp thiết thực để hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, tăng cường trách nhiệm các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực thương mại điện tử ở Việt Nam.

Từ khoá: Quảng cáo xuyên biên giới; Nghĩa vụ thuế đối với doanh nghiệp quảng cáo xuyên biên giới; Kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới.

QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM TRÊN BIỂN ĐÔNG QUA THỰC TIỄN VỤ VIỆC BÃI TƯ CHÍNH

Nguyễn Thị Thanh Ngọc^{a*}

^aKhoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email:ngocntt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0938314499

Tóm tắt

Từ 03/7/2019 tàu thăm dò địa chất Hải Dương 8 thuộc quyền quản lý và sử dụng của chính phủ Trung Quốc đã đi vào vùng biển gần với khu vực Bãi Tư Chính – một bãi đá ngầm trong vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam. Trong lúc đó, cũng có sự xuất hiện của các tàu cảnh sát biển mang cờ Việt Nam ở khu vực này, thực hiện các hoạt động cần thiết để bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế của mình. Trước những căng thẳng diễn ra trong khu vực, cả Việt Nam và Trung Quốc đều đưa ra những bằng chứng pháp lý và lịch sử nhằm chứng minh quyền chủ quyền và quyền tài phán của mình. Trong bài viết này, tác giả phân tích, đánh giá các luận cứ dưới góc độ pháp lý và lịch sử và khoa học nhằm khẳng định quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với các hoạt động diễn ra trong khu vực này để có thể đi đến khẳng định rằng tham chiếu luật pháp quốc tế hiện đại thì việc Trung Quốc đưa hệ thống nhóm tàu khảo sát Hải Dương 8 hoạt động tại lô 06.1 đã vi phạm Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) 1982, vi phạm tuyên bố DOC mà Trung Quốc ký với 10 nước ASEAN tại Campuchia năm 2002. Điều này cũng có nghĩa Trung Quốc đã đi ngược lại các cam kết của họ với ASEAN, đi ngược lại 4 lần cam kết Việt - Trung từ năm 2011 đến nay với nội dung giữ ổn định Biển Đông, giải quyết tranh chấp Biển Đông bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và không tạo ra những sự cố làm rắc rối, căng thẳng Biển Đông. Từ những lập luận đó, tác giả nêu ra và phân tích những ưu thế - khó khăn của Việt Nam nếu đưa vụ việc ra giải quyết trước các cơ quan tài phán quốc tế - một cơ chế phổ biến trong việc giải quyết các tranh chấp về chủ quyền.

Từ khóa: Bãi Tư Chính; Cam kết Việt – Trung; Giải quyết tranh chấp biển Đông; Hải Dương 8; Tranh chấp biển Đông; Vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam.

VẤN ĐỀ GIỚI TÍNH TRONG VIỆC ÁP DỤNG THỦ TỤC TỔ TỤNG HÌNH SỰ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Loan^{a*}

^aKhoa Luật học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam
^{*}Tác giả liên hệ: Email:loannt@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0919085999

Tóm tắt

Hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật tố tụng hình sự nói riêng đã bước đầu có các quy định riêng đối với những người chưa rõ về giới tính, chưa xác định giới tính hoặc có nghi ngờ về giới tính. Tuy nhiên, các quy định cụ thể trong các điều luật và cách thức áp dụng trong những trường hợp cụ thể trên thực tế lại hết sức phức tạp. Việc áp dụng các thủ tục tố tụng hình sự như khám xét, bắt, tạm giữ, tạm giam ảnh hưởng rất lớn đến quyền con người. Đặc biệt, những người giới tính chưa rõ ràng việc áp dụng thủ tục tố tụng theo một trình tự chung càng dễ làm tổn thương đến họ cả về mặt tinh thần lẫn thể chất. Hiện tại chúng ta chưa có một cơ chế riêng biệt về việc bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét hoặc chấp hành án phạt tù đối với những người này. Chúng tôi cho rằng cần có một công trình nghiên cứu tổng thể về vấn đề này để tìm ra các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật tố tụng hình sự là rất cần thiết trong xã hội này nay. Các quy định cụ thể của pháp luật vừa đảm bảo quyền con người nói chung, vừa đảm bảo quyền của những người có khó khăn trong việc xác định giới tính hoặc chưa rõ giới tính... Mục tiêu nghiên cứu là hướng đến việc xây dựng những luận cứ khoa học nhằm đề xuất các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật trong lý luận và trong thực tiễn áp dụng. Đưa ra các đề xuất cụ thể về hoàn thiện các quy định của pháp luật cũng như cơ chế thực hiện và áp dụng pháp luật trên thực tiễn. Thông qua các đề xuất hoàn thiện pháp luật để đảm bảo quyền con người, đặc biệt là quyền của những người chưa rõ giới tính hoặc chưa xác định được giới tính trong nhà nước pháp quyền và trong xã hội công dân.

Từ khóa: Giới tính; Thủ tục tố tụng; Quyền con người.

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG CỦA MỸ (ACSI) VÀO LĨNH VỰC ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Văn Anh^a, Nguyễn Thị Phương Thảo^a, Nguyễn Hà Thu^a

^aKhoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: vananhdhdl@gmail.com

Tóm tắt

Mục tiêu: Mục tiêu nghiên cứu của bài báo là tìm hiểu sự hài lòng của khách hàng trong lĩnh vực dịch vụ điện thoại di động ở Việt Nam. Mô hình chỉ số hài lòng khách hàng của Mỹ được sử dụng làm nền tảng để nghiên cứu mối quan hệ nhân quả giữa sự mong đợi của khách hàng, chất lượng cảm nhận, giá trị cảm nhận, sự hài lòng, sự than phiền và sự trung thành của khách hàng; *Phương pháp nghiên cứu:* Nghiên cứu định lượng được sử dụng thông qua việc sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM để đánh giá mô hình. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi có cấu trúc bằng phương pháp khảo sát online và in bằng giấy phát trực tiếp cho 197 người dùng điện thoại di động; *Kết quả nghiên cứu:* Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng mô hình ACSI phù hợp với cảm nhận và hành vi của khách hàng sử dụng điện thoại di động ở Việt Nam. Thêm vào đó, sự mong đợi, chất lượng cảm nhận và giá trị cảm nhận là những nhân tố quan trọng tác động đến sự hài lòng của khách hàng, và cuối cùng tác động đến sự trung thành của họ. Ngoài ra, sự hài lòng của khách hàng cũng có ảnh hưởng đến sự phàn nàn, và tiếp theo đó sự than phiền sẽ ảnh hưởng lên sự trung thành của khách hàng sử dụng dịch vụ điện thoại di động; *Hạn chế:* Chỉ số hài lòng khách hàng của quốc gia nên được nghiên cứu ở các lĩnh vực khác nhau một cách đồng thời và thường xuyên. Như vậy thì kết quả nghiên cứu mới có thể dùng để so sánh với chỉ số này ở các quốc gia khác. Thêm vào đó, dữ liệu khảo sát chủ yếu tập trung ở các trường đại học nên tính tổng quát hóa của nghiên cứu chưa cao; *Hàm ý thực tiễn:* Kết quả cho thấy sự hài lòng của khách hàng trong lĩnh vực di động tại thị trường Việt Nam là chưa cao, cũng như lòng trung thành còn thấp và nhạy cảm với giá cước. Do đó, các nhà cung cấp dịch vụ điện thoại di động cần đưa ra nhiều giải pháp đồng bộ để cải thiện hơn nữa sự hài lòng của họ cũng như giảm đi sự nhạy cảm về giá cước. Có như vậy, các nhà cung cấp mới ngày càng thỏa mãn nhu cầu của họ, và biến họ thành những khách hàng trung thành trong tương lai khi mà sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt; *Điểm mới/giá trị của nghiên cứu:* Nghiên cứu nhằm chỉ ra khả năng có thể hình thành một mô hình về sự hài lòng cho ngành điện thoại di động ở Việt Nam, vốn là một trong các quốc gia đang phát triển của khu vực Đông Nam Á.

Từ khóa: Việt Nam; Hành vi khách hàng; Dịch vụ viễn thông; Chỉ số hài lòng khách hàng; Điện thoại di động.

TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VI MÔ ĐẾN VIỆC THAY ĐỔI Ý THỨC CỘNG ĐỒNG TẠI XÃ BÌNH THẠNH, HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Đỗ Văn Toán^{a*}

^aKhoa Xã hội học và Công tác Xã hội, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: toandv@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0987193399

Tóm tắt

Nghiên cứu này nhằm cho thấy tác động của hoạt động tài chính vi mô thông qua các tổ tiết kiệm & vay vốn đến việc thay đổi ý thức cộng đồng. Dựa trên số mẫu phỏng vấn sâu 47 cũng như thảo luận nhóm tập trung, kết quả cho thấy những tác động của hoạt động tài chính vi mô đến việc thay đổi ý thức cộng đồng thể hiện ở sự thay đổi nhận thức sự tham gia của các thành viên tổ tiết kiệm & vay vốn cũng như những thay đổi trong sự gắn bó, kết nối, tương tác và hỗ trợ giữa các thành viên với nhau trong cộng đồng. Đây được xem là những phát hiện mới và là đóng góp quan trọng của nghiên cứu khi thấy được những tác động về mặt xã hội của hoạt động tài chính vi mô. Kết quả đã cho thấy, hoạt động tài chính vi mô đóng vai trò quan trọng đến phát triển năng lực cộng đồng, giúp người nghèo giảm lệ thuộc, nâng cao năng lực, tự lực và ngày càng thể hiện được vai trò tham gia trong các hoạt động xã hội của cộng đồng. Vì mục đích nghiên cứu định tính khám phá những tác động hiệu quả về mặt xã hội nên kết quả cũng chưa cho thấy rõ ràng về quy mô tác động cũng như các mức độ tác động, do đó hướng nghiên cứu mở rộng là tiếp tục kiểm tra một nghiên cứu kết hợp định lượng nhằm cho biết về quy mô tác động để xác định tính ứng dụng rộng rãi và sâu rộng hơn.

Từ khóa: Năng lực cộng đồng; Phát triển cộng đồng; Tài chính vi mô; Tổ tiết kiệm & vay vốn; Ý thức cộng đồng.

VAI TRÒ CỦA HỖ TRỢ XÃ HỘI ĐỐI VỚI QUÁ TRÌNH PHỤC HỒI CỦA NGƯỜI BỆNH: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Nguyễn Thị Minh Hiền^{a*}

^aKhoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Email: hienntm@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0908483025

Tóm tắt

Ở các nước phát triển, công tác xã hội trong bệnh viện đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động hỗ trợ người bệnh, người nhà người bệnh và các nhân viên y tế trong bệnh viện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và tâm lý liên quan đến bệnh tật và quá trình khám chữa bệnh. Mục đích là hỗ trợ các nhóm đối tượng khắc phục những khó khăn về xã hội để đạt được hiệu quả chăm sóc sức khỏe tốt nhất. Hỗ trợ xã hội đóng vai trò quan trọng đối với quá trình phục hồi của người bệnh. Hỗ trợ xã hội cung cấp cho cá nhân cảm giác được kết nối, nguồn lực và sự khẳng định. Từ việc hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến hỗ trợ xã hội đối với quá trình phục hồi của người bệnh cũng như phân tích những trường hợp điển cứu tại Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Lâm Đồng. Tác giả sẽ xây dựng một khung phân tích về vai trò của hỗ trợ xã hội đối với quá trình phục hồi của người bệnh. Khung phân tích bao gồm những đặc điểm cá nhân; những yếu tố hỗ trợ từ gia đình; từ các tổ chức khám chữa bệnh, các chính sách và chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng. Bài viết cũng nhấn mạnh đến vai trò của nhân viên công tác xã hội trong việc hỗ trợ điều trị phục hồi chức năng thể chất-tâm lý xã hội cho người bệnh.

Từ khóa: Hỗ trợ xã hội; Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; Vai trò nhân viên công tác xã hội trong bệnh viện.

NÂNG CAO NĂNG LỰC THỰC HÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHỤC HỒI SỨC KHỎE TÂM THẦN

Vũ Mộng Đóa^{a*}

^aKhoa Xã hội học và Công tác Xã hội, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam
Tác giả liên hệ Email: doavm@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0919195904

Tóm tắt

Năng lực thực hành công tác xã hội trong việc chăm sóc sức khỏe tâm thần nói chung và trong việc định hướng phục hồi nói riêng là một trong những đòi hỏi tất yếu trong lĩnh vực công tác xã hội với người có vấn đề sức khỏe tâm thần. Đây là một cách thức tiếp cận mang tính phát triển và bền vững. Bài báo tập trung vào mô tả và phân tích những nội dung nâng cao năng lực thực hành công tác xã hội theo định hướng phục hồi sức khỏe tâm thần. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phân tích tài liệu khoa học đã được công bố ở nước ngoài về việc thực hành theo định hướng phục hồi sức khỏe tâm thần. Kết quả nghiên cứu được thể hiện thông qua các nội dung bao gồm: Năng lực xác định là một nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và năng lực tự thực hiện, năng lực áp dụng các nguyên tắc đạo đức công tác xã hội để hướng dẫn thực hành chuyên nghiệp; năng lực áp dụng tư duy phê phán để đưa ra những đánh giá mang tính chuyên môn; năng lực tham gia vào thực hành dựa trên thông tin nghiên cứu và nghiên cứu dựa trên thông tin thực hành; năng lực áp dụng kiến thức về hành vi của con người và xã hội môi trường; năng lực tham gia vào thực hành chính sách để thúc đẩy phát triển xã hội và kinh tế và cung cấp các dịch vụ công tác xã hội hiệu quả; đáp ứng với các bối cảnh thực hành; năng lực tham gia, đánh giá, can thiệp và lượng giá cá nhân, gia đình, nhóm, tổ chức và cộng đồng. Kết quả nghiên cứu này có thể được vận dụng vào việc đào tạo và thực hành cho sinh viên ngành công tác xã hội trong lĩnh vực sức khỏe tâm thần tại các cơ sở đào tạo. Đồng thời, có thể là tài liệu tham khảo hoặc tập huấn cho các cán bộ đang làm việc tại các trung tâm chăm sóc người có vấn đề sức khỏe tâm thần.

Từ khóa: Năng lực thực hành công tác xã hội; Sức khỏe tâm thần; thực hành định hướng phục hồi.

CHINA'S RISE: FACT OR FICTION?

Ngũ Chánh Hào^{a*}

^a*Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam*
^{*}*Tác giả liên hệ: Email: haonc@dlu.edu.vn | Điện thoại: 0916235075*

Abstract

Over the last two decades, international scholars have been intensely debating how the potential China will be in replacing the U.S as the world's next hegemon or how the world order will be at the decease of U.S dominant role globally. This essay, however, argues that China has by far had insufficient resources to undertake either role aforementioned with references made from geopolitical aspect (Belt and Road Initiative, South China Sea dispute), cyber-espionage, foreign currency cheating, China's internal economic power to the possibility of the emergence of a Chinese hegemony. Theoretically, this essay critically relies on Gramscian concept of hegemony to analyze relevant data before a proper conclusion can be logically reached that the American hegemony will be unrivalled and the liberal economic order will still prevail, in which both China and U.S are vital players. Some important lessons for Vietnam are also withdrawn from the mentioned superpower competition.

Keywords: Hegemony; China's rise; Global order; Security; Geopolitics; American liberal order.
